

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **135/2022/DS-ST**  
Ngày 30/8/2022  
V/v “*Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Đức

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Diệu;
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2022, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2021/TLST-DS ngày 27/10/2021 về việc “*Kiện đòi tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2022/QĐXXST-DS ngày 01/8/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 151/2022/QĐST-DS ngày 11/8/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Cao Thị H, sinh năm 1970 - (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số X đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**\* Bị đơn:** Ông Lê Đức Ph, sinh năm 1963 - (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Số Y đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**\* Nguyên đơn - Bà Cao Thị H trình bày:**

Tôi (H) khởi kiện ông Lê Đức Ph về việc đòi lại các tài sản gồm:

*1.1. Về số tiền 30.000.000 đồng:*

Năm 2010 tôi và ông Lê Đức Ph đăng ký kết hôn, chung sống với nhau. Tôi có đưa ông Ph số tiền 30.000.000 đồng để xin việc cho tôi, ông Ph hứa nếu không xin được sẽ trả lại tiền cho tôi nhưng vẫn chưa trả (lúc đưa tiền, tôi nghĩ vợ chồng với nhau nên không viết giấy biên nhận).

Do đó tôi khởi kiện yêu cầu ông Ph trả lại cho tôi số tiền 30.000.000 đồng nói trên.

#### *1.2. Về số tiền 32.000.000 đồng:*

Trong thời gian chung sống, tôi có lô rẫy (tài sản riêng) tại xã Nậm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Ông Ph nói với tôi cùng góp tiền, công sức vào làm rẫy chung với nhau, ông Ph tự thu chi cho việc đầu tư để hạch toán xem lỗ, lãi bao nhiêu. Đến cuối mùa vụ ông Ph báo lại cho tôi là bị lỗ, còn lỗ cụ thể như thế nào ông Ph không nói. Đến năm 2016 thì tôi và ông Ph thuận tình ly hôn. Sau khi ly hôn, đến cuối năm 2018 đại lý phân bón Hiệp Phát thông báo ông Ph còn nợ tiền phân bón 32.000.000 đồng và yêu cầu tôi phải trả nợ thay ông Ph. Vì do tôi còn nợ tiền ông Ph nên tôi nghĩ mình sẽ trả thay ông Ph, sau này ông Ph sẽ căn trừ nợ cho mình nên tôi đã gọi điện thoại trao đổi với ông Ph và ông Ph đã đồng ý tôi trả thay cho ông Ph, sau này ông Ph sẽ khấu trừ vào khoản tiền tôi còn nợ ông Ph. Ngày 25/12/2018 tôi đã trả nợ số tiền 32.000.000 đồng cho đại lý Hiệp Phát thay cho ông Ph. Sau đó tôi đã nhiều lần liên lạc với ông Ph để yêu cầu ông Ph trả lại tôi số tiền này nhưng ông Ph lẩn tránh không chịu trả. Ông Ph cũng không khấu trừ số tiền này cho tôi khi ông Ph kiện ra Tòa.

Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu ông Ph trả lại cho tôi số tiền 32.000.000 đồng này.

#### *1.3. Về số tiền 3.200.000 đồng:*

Năm 2020 - 2021, ông Ph khởi kiện tại Tòa án buộc tôi phải trả 57.226.000 đồng, ông Ph cho rằng tôi chưa trả khoản nợ lãi nào là không đúng. Thực tế tôi đã trả tiền từ tháng 3 đến tháng 6/2017 số tiền lãi đã trả là 3.200.000 đồng. Khi Tòa án giải quyết vụ án đó thì tôi chưa tìm thấy chứng từ đã trả số tiền này cho ông Ph nên không được Tòa án khấu trừ số tiền lãi tôi phải trả cho ông Ph.

Nay khi thi hành án bản án của ông Ph thì ông Ph không tự khấu trừ số tiền lãi này cho tôi nên tôi phải kiện đòi lại của ông Ph để khấu trừ khi thi hành án.

#### *1.4. Về giấy quyết định gốc sử dụng nhà:*

Ông Ph có lấy của tôi 01 giấy tờ gốc sử dụng nhà ở có diện tích 26,25m<sup>2</sup>, cấp cho bà Cao Thị H ngày 16/6/2004. Việc ông Ph giữ giấy của gốc của tôi là không có căn cứ pháp luật. Do đó tôi khởi kiện yêu cầu ông Ph trả lại 01 bản gốc Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 của Công ty lâm sản Đắk Lắk (về việc cấp, bàn giao cho bà Cao Thị H nhà ở có diện tích 26,25m<sup>2</sup>).

Tổng cộng: Tôi yêu cầu ông Ph phải trả lại tôi số tiền: 30.000.000 đồng + 32.000.000 đồng + 3.200.000 đồng = 65.200.000 đồng và 01 bản gốc Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004.

**\* Bị đơn - Ông Lê Đức Ph tại biên bản hòa giải, biên bản làm việc ngày 19/7/2022 trình bày:**

- Về số tiền bà H nợ tôi 57.226.000 đồng và tiền lãi + tài sản khác đã được giải quyết bằng bản án số 02/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột và quyết định đình chỉ phúc thẩm số 18/2021/QQĐ-PT ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đang trong quá trình thi hành án theo quy định.

- Về số tiền 30.000.000 đồng bà H nói đưa tôi để xin việc cho bà H thì tôi không thừa nhận, không có sự việc này và không có giấy tờ. Do đó tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về số tiền 32.000.000 đồng: Tôi không thừa nhận ý kiến trình bày của bà H cho rằng: *Cuối năm 2018 đại lý phân bón Hiệp Phát thông báo ông Ph còn nợ tiền phân bón 32.000.000 đồng và yêu cầu tôi phải trả nợ thay ông Ph. Vì do tôi còn nợ tiền ông Ph nên tôi nghĩ mình sẽ trả thay ông Ph, sau này ông Ph sẽ căn trừ nợ cho mình nên tôi đã gọi điện thoại trao đổi với ông Ph và ông Ph đã đồng ý tôi trả thay cho ông Ph, sau này ông Ph sẽ khấu trừ vào khoản tiền tôi còn nợ ông Ph. Ngày 25/12/2018 tôi đã trả nợ số tiền 32.000.000 đồng cho đại lý Hiệp Phát thay cho ông Ph. Sau đó tôi đã nhiều lần liên lạc với ông Ph để yêu cầu ông Ph trả lại tôi số tiền này nhưng ông Ph lẩn tránh không chịu trả. Ông Ph cũng không khấu trừ số tiền này cho tôi khi ông Ph kiện ra Tòa.*

Bởi vì: Nếu tôi có lấy tiền phân bón thì cũng là bỏ cho rẫy riêng của bà H và bà H thu hoa lợi, sản phẩm nên bà H mới trả nợ cho đại lý; Khi đại lý báo nợ và bà H thanh toán lúc đó tôi không biết, không thống nhất hay thỏa thuận ba bên gì với bà H và đại lý về việc bà H trả nợ thay rồi tôi khấu trừ nợ cho bà H. Lúc bà H thanh toán tiền cho đại lý là rất lâu sau khi chúng tôi ly hôn và bà H chây ỳ không trả nợ tiền cho tôi thì không lý do gì bà H đồng ý trả nợ thay cho tôi để như vậy... Thực tế tất cả các khoản giấy tờ, tiền nong bà H đều bắt đối chiếu, ký xác nhận nếu là nợ của tôi.

- Về số tiền 3.200.000 đồng: Tôi không thừa nhận ý kiến trình bày của bà H cho rằng: 3.200.000 đồng là tiền lãi đã trả từ tháng 3 đến tháng 6/2017 liên quan đến vụ án năm 2020 - 2021 tôi khởi kiện tại Tòa án buộc bà H phải trả 57.226.000 đồng, nay bà H mới tìm thấy chứng từ đã trả số tiền này và yêu cầu tôi khấu trừ số tiền lãi trong bản án trước khi thi hành án hoặc phải trả lại cho bà H.

Thực tế số tiền 3.200.000 đồng là tiền tôi đi trả lãi thay khoản vay cho bà H từ tháng 3 đến tháng 6/2017 nhưng đến ngày 12/6/2017 bà H mới trả lại cho tôi. Việc tôi trả lãi 3.200.000 đồng thay cho bà H thì bà H có ghi sổ cho tôi (chữ bà H).

Đối với số tiền 57.226.000 đồng thì ngày 11/6/2017 mới chốt nợ và nếu đến 30/9/2017 không trả thì mới tính lãi (bản án 02/2021 cũng ghi nhận). Do đó

không thể nói ngày 12/6/2017 đã tính lãi từ tháng 3 đến tháng 6/2017 và bà H trả lãi 3.200.000 đồng.

- Về giấy quyết định gốc sử dụng nhà: Tôi có cầm đề làm tin 01 bản gốc Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 của Công ty lâm sản Đắc Lắc (về việc cấp, bàn giao cho bà Cao Thị H nhà ở có diện tích 26,25m<sup>2</sup>) để đảm bảo cho việc bà H trả nợ số nợ 57.226.000 đồng và các khoản khác cho tôi. Hiện nay tôi nộp bản này cho cơ quan thi hành án nên khi bà H trả hết nợ cho tôi thì tôi hoặc cơ quan thi hành án sẽ trả lại cho bà H.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông Ph phải trả lại cho bà H 01 bản gốc Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 của Công ty lâm sản Đắc Lắc (về việc cấp, bàn giao cho bà Cao Thị H nhà ở có diện tích 26,25m<sup>2</sup>);

- Không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà H, về việc yêu cầu ông Ph trả lại cho bà H số tiền: 30.000.000 đồng;

- Không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà H, về việc yêu cầu ông Ph trả lại cho bà H số tiền: 32.000.000 đồng (trả cho đại lý Hiệp Phát);

- Không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà H, về việc yêu cầu ông Ph trả lại cho bà H số tiền: 3.200.000 đồng (tiền lãi);

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai tại phiên tòa, thể hiện:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp kiện đòi tài sản”; Bị đơn có nơi cư trú tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn - ông Ph được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó HĐXX giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về số tiền 30.000.000 đồng:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng: Năm 2010 bà H và ông Ph đăng ký kết hôn, chung sống với nhau và bà H có đưa ông Ph số tiền 30.000.000 đồng để xin việc cho bà H, ông Ph hứa nếu không xin được sẽ trả lại tiền nhưng vẫn chưa trả. Tuy nhiên lúc đưa tiền, bà H nghĩ vợ chồng với nhau nên không viết giấy biên nhận; Do đó không có tài liệu chứng cứ gì để nộp cho Tòa án.

Về phía ông Ph không thừa nhận có sự việc này, không có giấy tờ giao nhận tiền nên ông Ph không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà H.

HĐXX xét thấy việc nguyên đơn - Bà H khởi kiện đòi lại số tiền 30.000.000 đồng (tiền xin việc) đã đưa cho ông Ph nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh; Phía bị đơn - Ông Ph cũng không thừa nhận sự việc, không đồng ý trả số tiền này; Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.2]. Về số tiền 32.000.000 đồng:

Bà H khởi kiện cho rằng: Ông Ph còn nợ tiền phân bón 32.000.000 đồng của đại lý Hiệp Phát và ngày 25/12/2018 bà H đã trả thay vì ông Ph đồng ý sẽ khấu trừ nợ cho bà H. Về phía ông Ph không thừa nhận ý kiến trình bày của bà H.

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX xét thấy việc nguyên đơn - Bà H khởi kiện đòi lại số tiền 32.000.000 đồng đã trả cho đại lý Hiệp Phát thay cho ông Ph nhưng phía ông Ph không thừa nhận đây là khoản nợ của ông Ph và không đồng ý trả số tiền này; Ông Ph xác định không có sự thống nhất giữa ba bên gồm đại lý Hiệp Phát - ông Ph - bà H về việc đây là nợ của ông Ph và để bà H trả số nợ này cho đại lý Hiệp Phát, sau đó ông Ph khấu trừ nợ cho bà H trong số nợ với ông Ph. Đồng thời bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh như giấy nhận hàng, giấy nhận nợ hay biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký của ông Ph... Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.3]. Về số tiền 3.200.000 đồng:

Bà H cho rằng: Năm 2020 - 2021, ông Ph khởi kiện tại Tòa án buộc bà H phải trả 57.226.000 đồng và tiền lãi. Tuy nhiên bà H đã trả tiền lãi từ tháng 3 đến tháng 6/2017, số tiền lãi đã trả là 3.200.000 đồng nhưng khi Tòa án giải

quyết vụ án đó thì bà H chưa tìm thấy chứng từ đã trả số tiền này cho ông Ph nên không được Tòa án khấu trừ số tiền lãi phải trả cho ông Ph. Nay bà H có chứng cứ nên yêu cầu ông Ph phải khấu trừ số tiền lãi này. Về phía ông Ph cũng không thừa nhận ý kiến của bà H.

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX xét thấy việc nguyên đơn - Bà H khởi kiện đòi lại số tiền 3.200.000 đồng vì cho rằng đây là tiền lãi đã trả cho ông Ph trong khoản nợ đã được giải quyết tại bản án số 02/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột và quyết định đình chỉ phúc thẩm số 18/2021/QQĐ-PT ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hoặc ông Ph phải khấu trừ khi thi hành án; Còn phía ông Ph không thừa nhận đây là khoản trả nợ lãi cho ông Ph trong số tiền nợ 57.226.000 đồng; Ông Ph xác định số tiền 57.226.000 đồng thì ngày 11/6/2017 mới chốt nợ và nếu đến 30/9/2017 không trả thì bà H mới phải trả lãi. Và tại bản án số 02/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột cũng chỉ tính lãi suất từ ngày 01/10/2017 (ngày vi phạm) đến ngày 15/01/2021 (ngày xét xử). Do đó ông Ph không đồng ý trả lại số tiền 3.200.000 đồng cho bà H và cũng không đồng ý khấu trừ số tiền này trong số nợ đang thi hành án mà bà H phải trả cho ông Ph.

Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà H về số tiền lãi 3.200.000 đồng là không phù hợp thực tế, không có căn cứ, không được phía bị đơn đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định tại mục [3.1], [3.2], [3.3] nói trên, HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà H về việc đòi lại tài sản là số tiền 30.000.000 đồng + 32.000.000 đồng + 3.200.000 đồng = 65.200.000 đồng.

[3.4]. Về giấy quyết định gốc sử dụng nhà:

Bà H khởi kiện cho rằng: Ông Ph có lấy của bà H 01 giấy tờ gốc sử dụng nhà ở có diện tích 26,25m<sup>2</sup>, cấp cho bà Cao Thị H ngày 16/6/2004. Việc ông Ph giữ giấy của gốc của bà H là không có căn cứ pháp luật. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu ông Ph trả lại 01 bản gốc Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 của Công ty lâm sản Đắk Lắk (về việc cấp, bàn giao cho bà Cao Thị H nhà ở có diện tích 26,25m<sup>2</sup>).

Về phía ông Ph cũng thừa nhận có cầm để làm tin 01 bản gốc Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 của Công ty lâm sản Đắk Lắk để đảm bảo cho việc bà H trả số nợ 57.226.000 đồng và các khoản khác, khi bà H trả hết nợ cho ông Ph thì ông Ph sẽ trả lại quyết định gốc cho bà H.

Xét thấy việc ông Ph giữ Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 của Công ty lâm sản Đắk Lắk là để làm tin đảm bảo cho việc thanh toán số nợ; Tuy nhiên hiện nay số nợ này đã được giải quyết và đang trong quá trình thi hành án. Việc ông Ph tiếp tục giữ Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai, nhà ở. Hiện nay ông Ph cũng có ý kiến trả lại Quyết định cho bà H. HĐXX xét thấy để

giải quyết dứt điểm tranh chấp giữa bà H và ông Ph, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho các bên trên cơ sở ý kiến của các đương sự nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H; Buộc ông Ph phải trả lại cho bà H 01 bản gốc Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 của Công ty lâm sản Đắc Lắc (về việc cấp, bàn giao cho bà Cao Thị H nhà ở có diện tích 26,25m<sup>2</sup>).

[5]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận một phần nên phía nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định là: 65.200.000 đồng x 5% = 3.260.000 đồng;

Bị đơn chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên được chấp nhận tương ứng với mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng khoản 1 Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

#### ***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Cao Thị H, về việc yêu cầu ông Lê Đức Ph phải trả lại số tiền 65.200.000 đồng, gồm: 30.000.000 đồng + 32.000.000 đồng (trả cho đại lý Hiệp Phát) + 3.200.000 đồng (tiền lãi);

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Cao Thị H;

Buộc bị đơn - Ông Lê Đức Ph phải trả lại cho bà Cao Thị H: 01 bản gốc Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 16/6/2004 của Công ty lâm sản Đắc Lắc (về việc cấp, bàn giao cho bà Cao Thị H nhà ở có diện tích 26,25m<sup>2</sup>).

3. Về án phí:

- Bà Cao Thị H phải chịu 3.260.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.930.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0009808 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột; Bà Cao Thị H còn phải nộp số tiền án phí là 1.330.000 đồng.

- Ông Lê Đức Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.*

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự*

*có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- Chi cục THA DS BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Văn Đức**